

Số: 118/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 04 tháng 5 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Khu đô thị sinh thái, nghỉ dưỡng khoáng nóng cao cấp Hồ Khả tại xã Quý Hòa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Xét Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 30 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Khu đô thị sinh thái, nghỉ dưỡng khoáng nóng cao cấp Hồ Khả tại xã Quý Hòa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Khu đô thị sinh thái, nghỉ dưỡng khoáng nóng cao cấp Hồ Khả, tại xã Quý Hòa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình như sau:

1. Tên dự án: Khu đô thị sinh thái, nghỉ dưỡng khoáng nóng cao cấp Hồ Khả.
2. Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng: **26,38 ha**
3. Địa điểm, vị trí chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng:
  - a) Địa điểm: Xã Quý Hòa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.
  - b) Vị trí: Gồm 02 tiểu khu, 07 khoảnh, 73 lô, trong đó: Tại tiểu khu 243 gồm 04 khoảnh và 35 lô; Tại tiểu khu 244 gồm 03 khoảnh và 38 lô.

(Kèm theo Biểu chi tiết vị trí chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng được trích lục tiểu khu, khoảnh, lô từ Bản đồ quy hoạch ba loại rừng tại Quyết định số 3042/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Hòa Bình, về việc phê duyệt Kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2030).

4. Chức năng rừng: 12,42 ha thuộc quy hoạch rừng sản xuất; 13,96 ha đã điều chỉnh ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng, chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng.

5. Loại rừng hiện nay: Rừng trồng và đất chưa có rừng.

## **Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các quy định của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, hiện trạng rừng tại hồ sơ trình kỳ họp thứ 6, Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án nêu tại Điều 1 của Nghị quyết này tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 04 tháng 5 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- UBND tỉnh (CT, các PCT);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, KH&ĐT, TN&MT; XD;
- HĐND, UBND huyện Lạc Sơn;
- LĐVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- TT tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- Lưu: VT, CTHĐND (Ha,Th).

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Đức Hình**

**BIÊN BẢN TRẠNG, DIỆN TÍCH KHU VỰC CHỦ TRƯỞNG CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG  
MỤC ĐÍCH KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG KHOÁNG NÓNG CAO CẤP HỒ KHÁ  
TẠI XÃ QUỠ HÒA, HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Số TT	TK	K	L	Quy hoạch 3 loại rừng	Tổng cộng (ha)	Diện tích có rừng (ha)	Thông tin về lô rừng						Ghi chú		
							Diện tích (ha)	Trạng thái	Trữ lượng gỗ (m3/lô)	Trữ lượng tre nửa (cây/lô)	Cây trồng	Năm trồng		Diện tích (ha)	Trạng thái
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	243	14	25	SX	0,01	0,01	0,01	dtr			Keo	2022			
2	243	14	26	SX	0,03	0,03	0,03	dtr			Keo	2022			
3	243	14	28	SX	0,01	0,01	0,01	dtr			Keo	2022			
4	243	14	29	SX	0,03	0,03	0,03	dtr			Keo	2022			
5	243	14	30	SX	0,02										
6	243	15	11	Ngh	0,62								0,02	dt1	
7	243	15	12	SX	0,01								0,62	dt1	NG3LR
8	243	15	15	SX	0,07	0,07	0,07	rtg	3,22		Keo	2018		dt1	
9	243	15	16	SX	0,35	0,35	0,35	rtg	16,1		Lat	2016		dt1	
10	243	15	17	SX	0,24	0,24	0,24	dtr			Keo	2022			
11	243	15	18	SX	0,08	0,08	0,08	dtr			Keo	2022			
12	243	15	19	SX	0,27	0,27	0,27	dtr			Keo	2022			
13	243	15	20	SX	0,15	0,15	0,15	dtr			Keo	2022			
14	243	15	21	SX	0,34	0,34	0,34	dtr			Keo	2022			
15	243	15	22	SX	0,16	0,16	0,16	dtr			Keo	2022			
16	243	15	23	SX	0,32	0,32	0,32	dtr			Keo	2022			
17	243	15	24	SX	0,16	0,16	0,16	dtr			Keo	2022			
18	243	15	25	SX	0,11	0,11	0,11	dtr			Keo	2022			
19	243	15	26	SX	0,12	0,12	0,12	dtr			Keo	2022			
20	243	15	27	SX	0,19	0,19	0,19	dtr			Keo	2022			
21	243	15	28	SX	1,47	1,47	1,47	dtr			Keo	2022			
22	243	15	29	SX	0,22	0,22	0,22	dtr			Keo	2022			
23	243	15	30	SX	0,45	0,45	0,45	dtr			Keo	2022			
24	243	15	31	SX	0,12	0,12	0,12	dtr			Keo	2022			

Số TT	TK	K	L	Quy hoạch 3 loại rừng	Tổng cộng (ha)	Diện tích có rừng (ha)	Thông tin về lô rừng						Ghi chú		
							Rừng trồng							Đất chưa có rừng	
							Diện tích (ha)	Trạng thái	Trữ lượng gỗ (m3/lô)	Trữ lượng tre nứa (cây/lô)	Cây trồng	Năm trồng		Diện tích (ha)	Trạng thái
25	243	15	32	SX	0,13	0,13	dtr			Keo	2022				
26	243	15	33	SX	0,03	0,03	dtr			Keo	2022				
27	243	15	34	SX	0,03	0,03	dtr			Keo	2022				
28	243	15	35	SX	0,18	0,18	dtr			Keo	2022				
29	243	15	36	SX	0,67	0,67	dtr			Keo	2022				
30	243	15	37	Ngh	0,22	0,22	dtr			Keo	2022			NG3LR	
31	243	15	38	Ngh	0,3	0,3	dtr			Keo	2022			NG3LR	
32	243	15	39	Ngh	0,16									NG3LR	
33	243	16	118	Ngh	0,08								0,16	dt1	NG3LR
34	243	16	145	Ngh	9,48								0,08	dt1	NG3LR
35	243	12a	11	SX	0,01	0,01	dtr			Keo	2022		9,48	dt1	NG3LR
1	244	18	1	SX	0,2	0,2	rtg		9,2	Keo	2018				
2	244	18	2	SX	0,12	0,12	rtg		5,52	Keo	2018				
3	244	18	3	SX	0,02	0,02	rtg		0,92	Keo	2018				
4	244	18	5	SX	0,48	0,48	rtg		22,08	Keo	2018				
5	244	18	6	SX	1,05	1,05	dtr			Keo	2022				
6	244	18	7	SX	0,01	0,01	dtr			Keo	2022				
7	244	18	8	SX	0,42	0,42	dtr			Keo	2022				
8	244	18	16	SX	0,13	0,13	rtg		5,98	Keo	2018				
9	244	18	17	SX	0,25	0,25	dtr			Keo	2022				
10	244	18	18	SX	0,18	0,18	dtr			Keo	2022				
11	244	18	20	Ngh	0,19					Keo	2022				NG3LR
12	244	18	22	SX	0,28	0,28	dtr			Keo	2022		0,19	dkh	
13	244	18	23	SX	0,03								0,03	dt1	
14	244	18	31	Ngh	0,18	0,18	rtg		8,28	Keo	2018				NG3LR
15	244	18	32	Ngh	2,23	2,23	rtg		102,58	Keo	2018				NG3LR
16	244	18	33	SX	0,38	0,38	rtg		17,48	Keo	2016				
17	244	18	37	SX	0,03	0,03	rtg		1,38	Keo	2016				
18	244	18	56	Ngh	0,43								0,43	dkh	NG3LR
19	244	18	59	SX	0,06	0,06	dtr			Keo	2022				
20	244	18	61	SX	0,03	0,03	dtr			Keo	2022				

Số TT	TK	K	L	Quy hoạch 3 loại rừng	Tổng cộng (ha)	Diện tích có rừng (ha)	Thông tin về lô rừng								Ghi chú
							Rừng trồng					Đất chưa có rừng			
							Diện tích (ha)	Trạng thái	Trữ lượng gỗ (m <sup>3</sup> /lô)	Trữ lượng tre nứa (cây/lô)	Cây trồng	Năm trồng	Diện tích (ha)	Trạng thái	
21	244	18	62	SX	0,02	0,02	0,02	dtr			Keo	2022			
22	244	14b	2	Nqh	0,01	0,01	0,01	dtr			Keo	2022			NG3LR
23	244	14b	3	Nqh	0,03								0,03	dkh	NG3LR
24	244	14b	5	Nqh	0,02	0,02	0,02	rtg	0,92		Keo	2018			NG3LR
25	244	14b	6	Nqh	0,01								0,01	dt1	NG3LR
26	244	16a	2	SX	0,03								0,03	dt1	
27	244	16a	4	SX	0,36	0,36	0,36	rtg	16,56		Keo	2016			
28	244	16a	5	SX	0,23								0,23	dt1	
29	244	16a	6	SX	0,23	0,23	0,23	rtg	10,58		Keo	2018			
30	244	16a	8	SX	0,03	0,03	0,03	rtg	1,38		Keo	2018			
31	244	16a	15	SX	0,04	0,04	0,04	rtg	1,84		Keo	2018			
32	244	16a	16	SX	0,13								0,13	dt1	
33	244	16a	17	SX	0,22	0,22	0,22	rtg	10,12		Keo	2018			
34	244	16a	18	SX	0,17	0,17	0,17	rtg	7,82		Keo	2018			
35	244	16a	19	SX	0,12	0,12	0,12	rtg	5,52		Keo	2018			
36	244	16a	42	SX	1,0	1,0	1,0	rtg	46,0		Keo	2018			
37	244	16a	43	SX	0,11	0,11	0,11	rtg	5,06		Keo	2018			
38	244	16a	44	SX	0,08	0,08	0,08	rtg	3,68		Keo	2018			
<b>Tổng cộng</b>					<b>26,38</b>	<b>14,93</b>	<b>14,93</b>		<b>302,22</b>				<b>11,45</b>		

**Ghi chú:**

- Tổng diện tích đề nghị chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là 26,38 ha; hiện trạng có: 6,57 ha rừng trồng Keo; 8,36 ha rừng mới trồng; 11,45 ha diện tích không có rừng, trong đó:

+ Có 12,42 ha thuộc quy hoạch rừng sản xuất; hiện trạng có: 4,14 ha rừng trồng Keo; 7,83 ha rừng mới trồng; 0,45 ha đất chưa có rừng.

+ Có 13,96 ha nằm ngoài quy hoạch ba loại rừng (đã điều chỉnh ra ngoài quy hoạch ba loại rừng theo Quyết định số 3042/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình) nhưng chưa có quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; hiện trạng có: 2,43 ha rừng trồng Keo; 0,53 ha rừng mới trồng; 11,0 ha diện tích không có rừng.

- Trữ lượng 6,57 ha rừng trồng Keo: 302,22 m<sup>3</sup> gỗ.

- Chữ viết tắt: Tiểu khu (TK); Khoảnh (K); Lô (L); Quy hoạch rừng sản xuất (SX); Ngoài quy hoạch 3 loại rừng (Nqh); Rừng trồng gỗ (rtg); rừng mới trồng (dtr); Diện tích không có rừng (dt1, nn, dkh), Nguồn gốc quy hoạch 3 loại rừng (NG3LR).

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**